



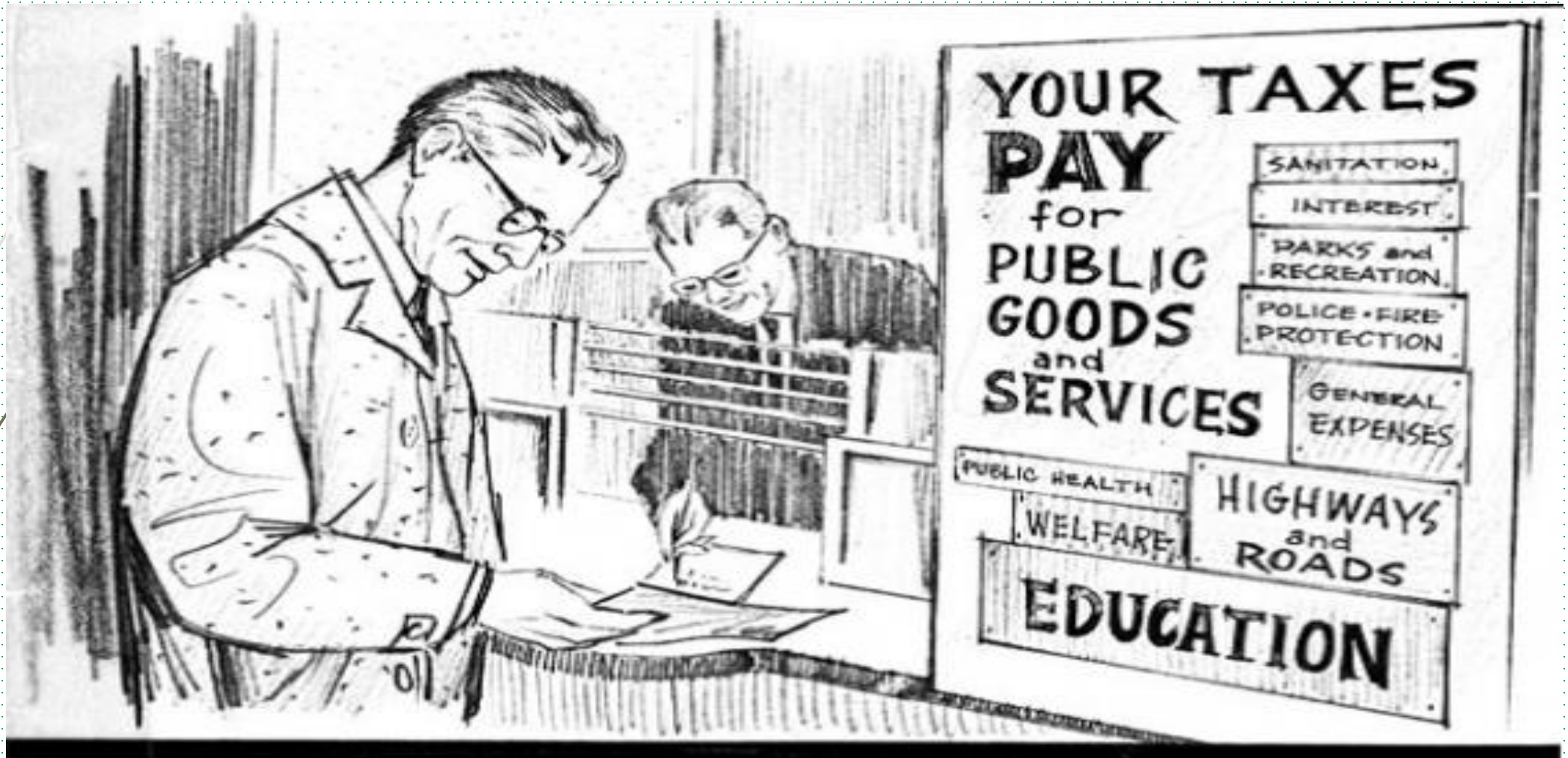
Bài giảng 13:
CÁC NGUỒN THU CỦA CHÍNH PHỦ

Đỗ Thiên Anh Tuấn

Trường Chính sách Công và Quản lý (FSPPM)

Đại học Fulbright Việt Nam

Tại sao chính phủ cần huy động nguồn lực?



Các nguồn thu ngân sách của chính phủ

- Thuế và phí
- Cho thuê tài sản quốc gia
- Bán tài sản quốc gia
- Lợi nhuận của doanh nghiệp nhà nước
- Viện trợ
- Vay nợ

Các nguồn thu ngân sách của VN

Thuế, phí và lệ phí

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế ngoại thương
- Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Thuế bảo vệ môi trường
- Thuế tài nguyên
- Thuế thu nhập DN
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế môn bài
- Thuế SD đất nông nghiệp
- Thuế SD đất phi NN
- Phí và lệ phí

Các nguồn khác

- Tiền sử dụng hoặc cho thuê đất
- Bán tài sản nhà nước
- Xổ số kiến thiết
- Cổ tức, thu hồi vốn
- Thu từ quỹ dự trữ tài chính
- Kết dư ngân sách
- Chuyển nguồn từ năm trước
- Viện trợ
- Vay nợ
- Khác

Nguồn thu ngân sách trung ương (Luật NSNN 2015)

➤ 1. Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%:

- a) Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu;
- b) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- c) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;
- d) Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu;
- đ) Thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà và các khoản thu khác từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
- e) Viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài
- g) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ
- h) Lệ phí do các cơ quan nhà nước trung ương thu, trừ lệ phí trước bạ
- i) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu
- k) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý;
- l) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương xử lý;

- m) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách trung ương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần
 - n) Thu từ quỹ dự trữ tài chính trung ương;
 - o) Thu kết dư ngân sách trung ương;
 - p) Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách trung ương;
 - q) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.
- ## ➤ 2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:
- a) Thuế giá trị gia tăng hàng trong nước;
 - b) Thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - c) Thuế thu nhập cá nhân;
 - d) Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng trong nước;
 - đ) Thuế bảo vệ môi trường hàng trong nước.

Thu của ngân sách địa phương (Luật NSNN 2015)

➤ 1. Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%:

- a) Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
- b) Thuế môn bài;
- c) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- d) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
- đ) Tiền sử dụng đất, trừ thu tiền sử dụng đất tại điểm k khoản 1 Điều 35 của Luật này;
- e) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước;
- g) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;
- h) Lệ phí trước bạ;
- i) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;
- k) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần;
- l) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;
- m) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý;
- n) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương;

- o) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện;
- p) Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu;
- q) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện;
- r) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý;
- s) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;
- t) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;
- u) Thu kết dư ngân sách địa phương;
- v) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

➤ 2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

➤ 3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

➤ 4. Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang.

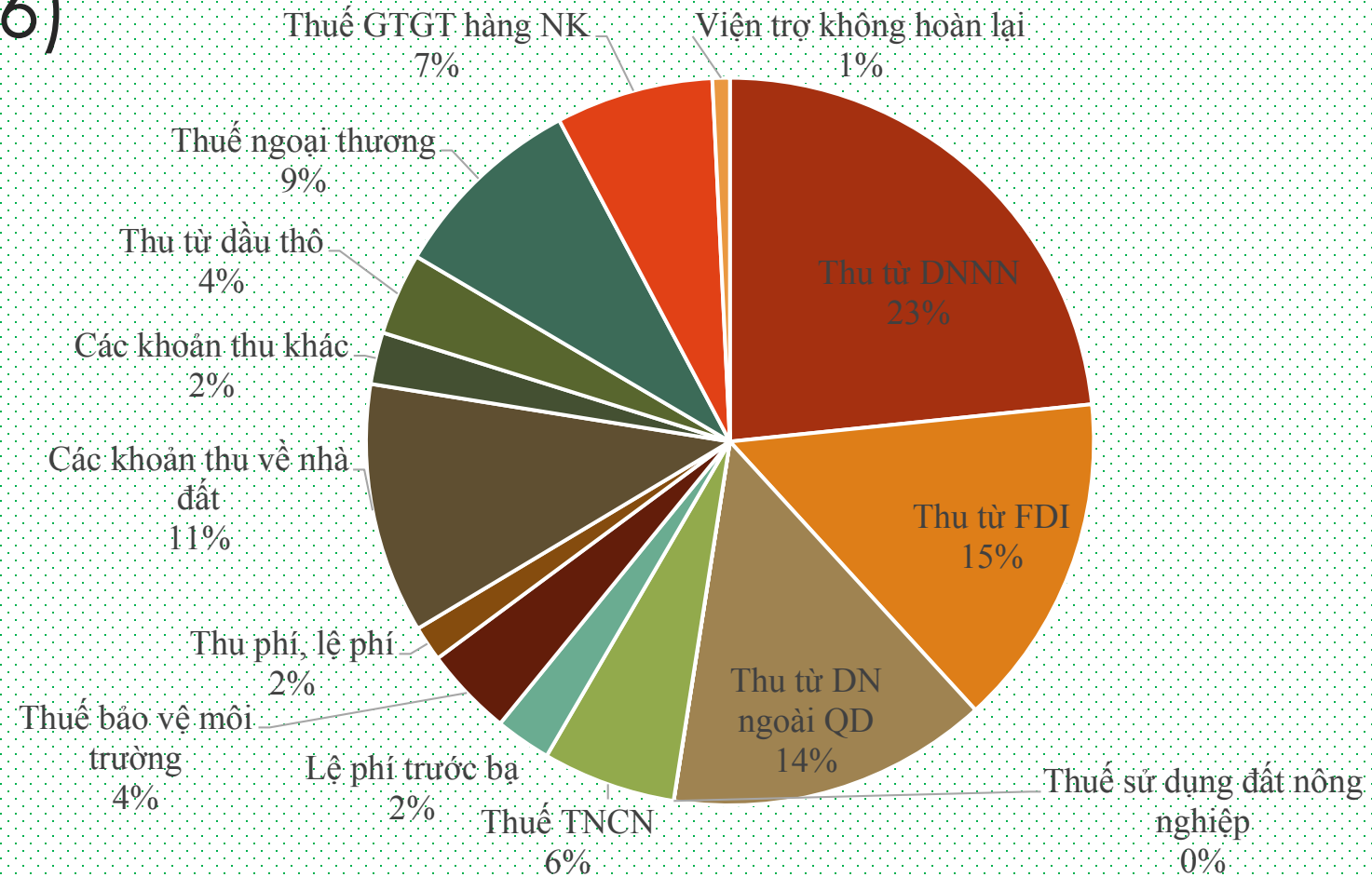
Thu ngân sách 2016 (tỉ VNĐ)

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán năm 2016
A	THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (A=I+II+III+IV+V)	1.407.572
I	Thu theo dự toán Quốc hội	1.107.381
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	886.791
2	Thu từ dầu thô	40.186
3	Thu cân đối ngân sách nhà nước từ xuất khẩu, nhập khẩu	172.026
4	Thu viện trợ không hoàn lại	8.378
II	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	25
III	Thu huy động đầu tư của ngân sách địa phương theo Luật NSNN	12.579
IV	Kinh phí đã xuất quỹ ngân sách năm 2015 chưa quyết toán, chuyển sang năm 2016 quyết toán và số chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016 để chi theo chế độ quy định	236.564
V	Thu kết dư ngân sách địa phương năm 2015 chuyển vào thu ngân sách nhà nước năm 2016	51.023

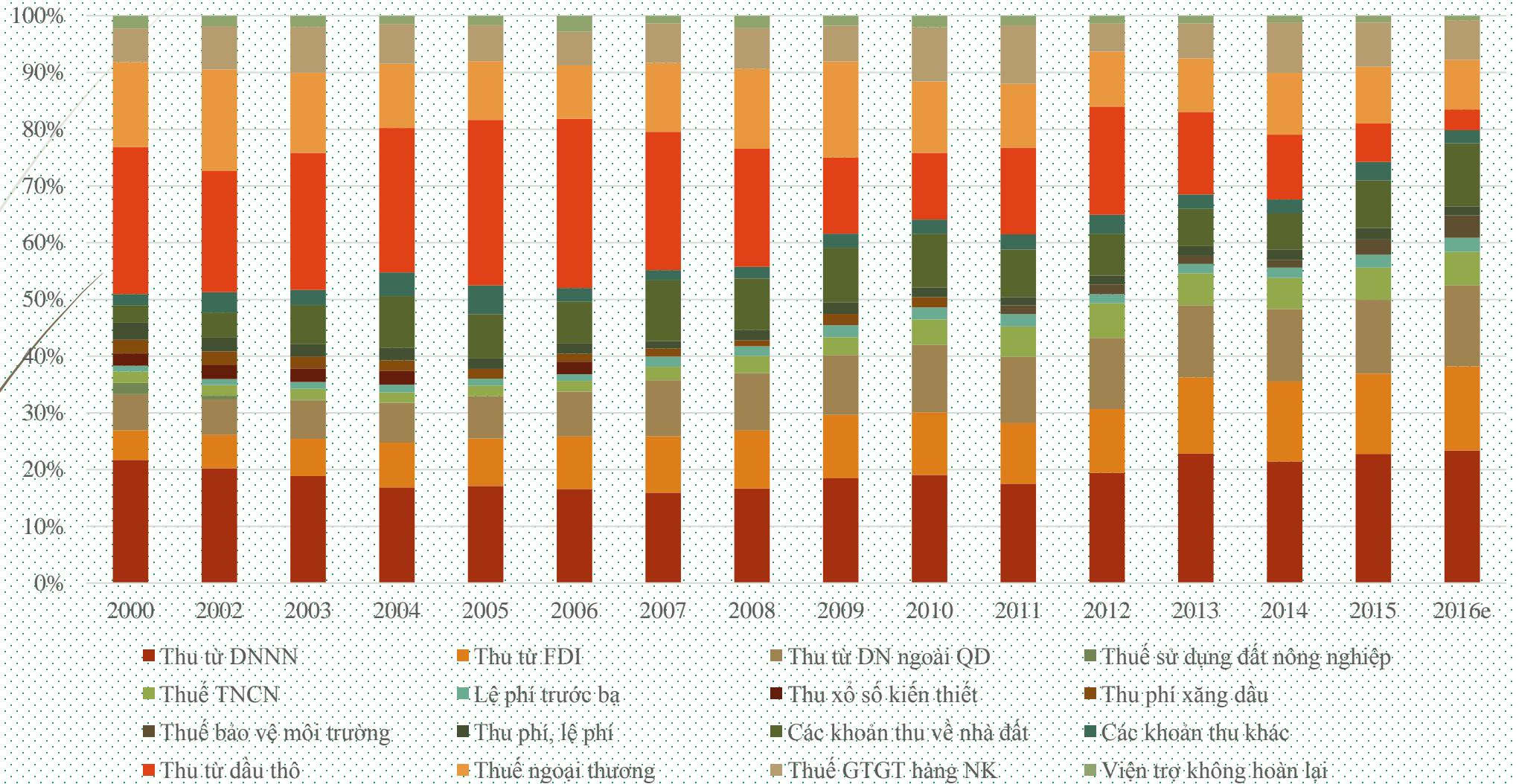
STT	Chỉ tiêu	Quyết toán năm 2016
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	
I	Nguồn thu ngân sách trung ương	678.681
1	Thu ngân sách trung ương hưởng theo phân cấp	600.248
	- Thu thuế, phí và các khoản thu khác	593.135
	- Thu từ nguồn viện trợ không hoàn lại	7.113
2	Kinh phí đã xuất quỹ ngân sách năm 2015 chưa quyết toán, chuyển sang năm 2016 quyết toán và số chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016 để chi theo chế độ quy định	78.433
B	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	
I	Nguồn thu ngân sách địa phương	982.931
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	507.133
	- Thu thuế, phí và các khoản thu khác	505.868
	- Thu từ nguồn viện trợ không hoàn lại	1.265
2	Thu bổ sung từ ngân sách trung ương	254.040
	- Bổ sung cân đối	127.822
	- Bổ sung có mục tiêu	126.218
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	25
4	Thu huy động đầu tư của ngân sách địa phương theo Luật NSNN	12.579
5	Kinh phí đã xuất quỹ ngân sách năm 2015 chưa quyết toán, chuyển sang năm 2016 quyết toán và số chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016 để chi theo chế độ quy định	158.131
6	Thu kết dư ngân sách địa phương năm 2015	51.023

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán năm 2016
A	Thu theo dự toán của Quốc hội	1.107.381
I	Thu nội địa từ sản xuất, kinh doanh	762.998
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	257.320
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể thu từ dầu thô)	162.934
3	Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh	157.082
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	60
5	Thuế thu nhập cá nhân	65.235
6	Lệ phí trước bạ	27.304
7	Thuế bảo vệ môi trường	43.142
8	Các loại phí, lệ phí	21.883
9	Thu khác ngân sách	25.513
10	Thu quỹ đất công ích, hoa lợi công sản tại xã	2.524
II	Các khoản thu về nhà, đất	123.793
1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.418
2	Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	20.624
3	Thu tiền sử dụng đất	99.619
4	Thu bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	2.133
III	Thu từ dầu thô	40.186
IV	Thu cân đối ngân sách nhà nước từ hoạt động xuất nhập khẩu	172.026
1	Thuế xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu	96.125
2	Thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu thu cân đối ngân sách	75.900
	<i>Trong đó: - Tổng số thu</i>	<i>174.902</i>
	<i>- Số hoàn thuế giá trị gia tăng</i>	<i>- 99.002</i>
V	Thu viện trợ không hoàn lại	8.378
B	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	25
C	Thu huy động đầu tư của ngân sách địa phương theo Luật NSNN	12.579
D	Chuyển nguồn từ năm 2015 sang năm 2016	236.564
E	Thu kết dư ngân sách địa phương năm 2015	51.023
	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN NĂM 2016 (A+B+C+D+E)	1.407.572

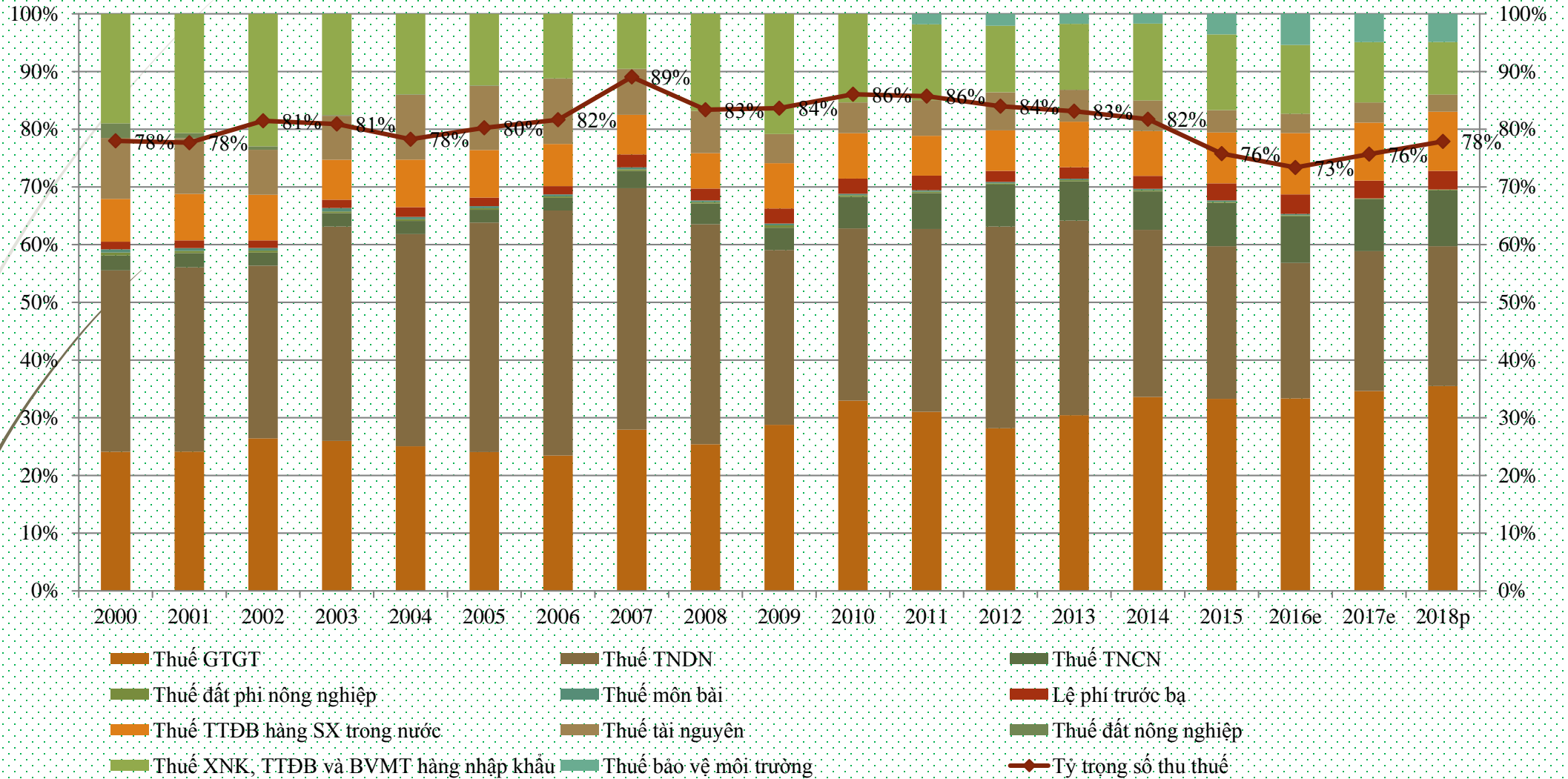
Cơ cấu các nguồn thu ngân sách Việt Nam (FY2016)



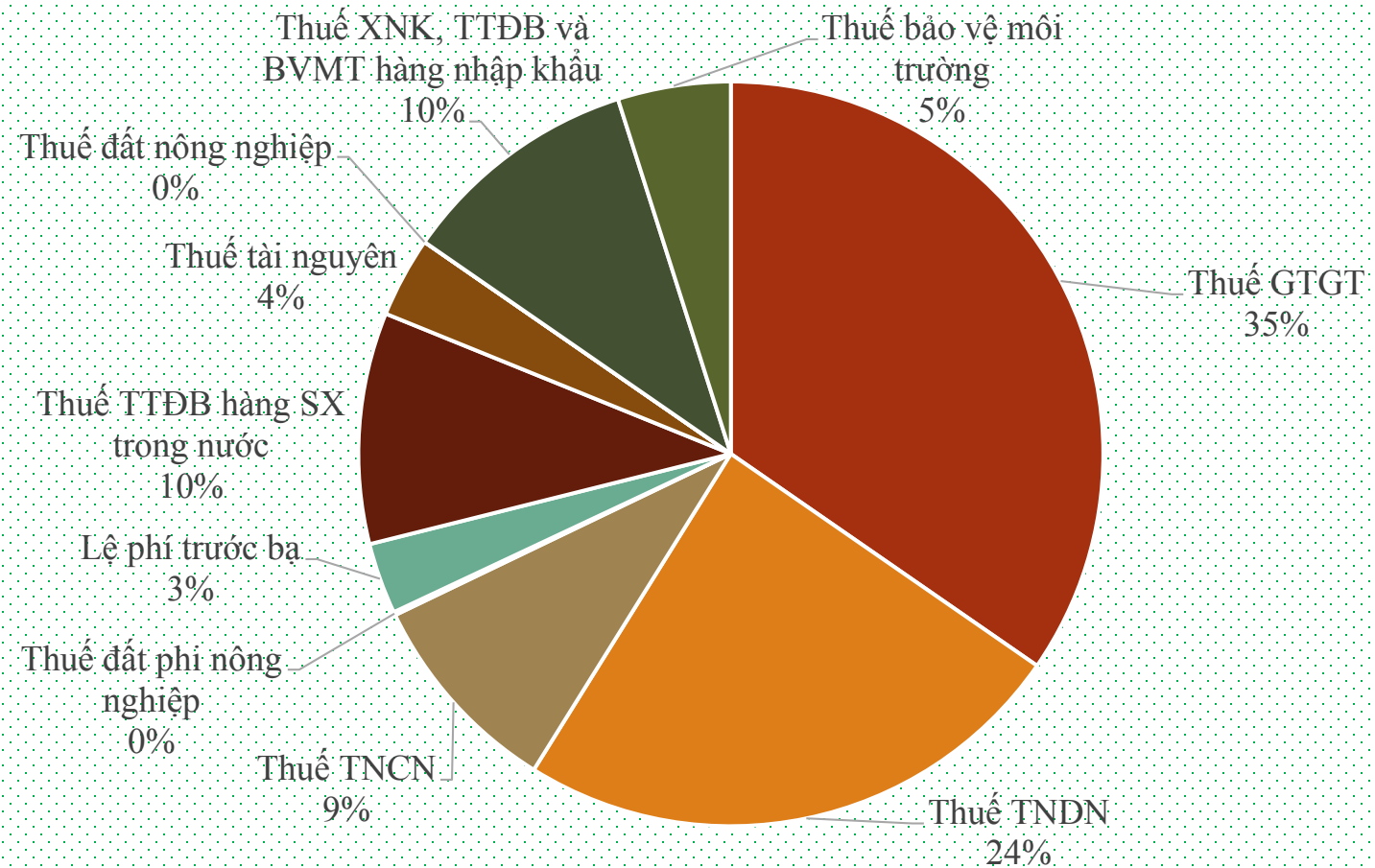
Cơ cấu các nguồn thu ngân sách (2000-2016)



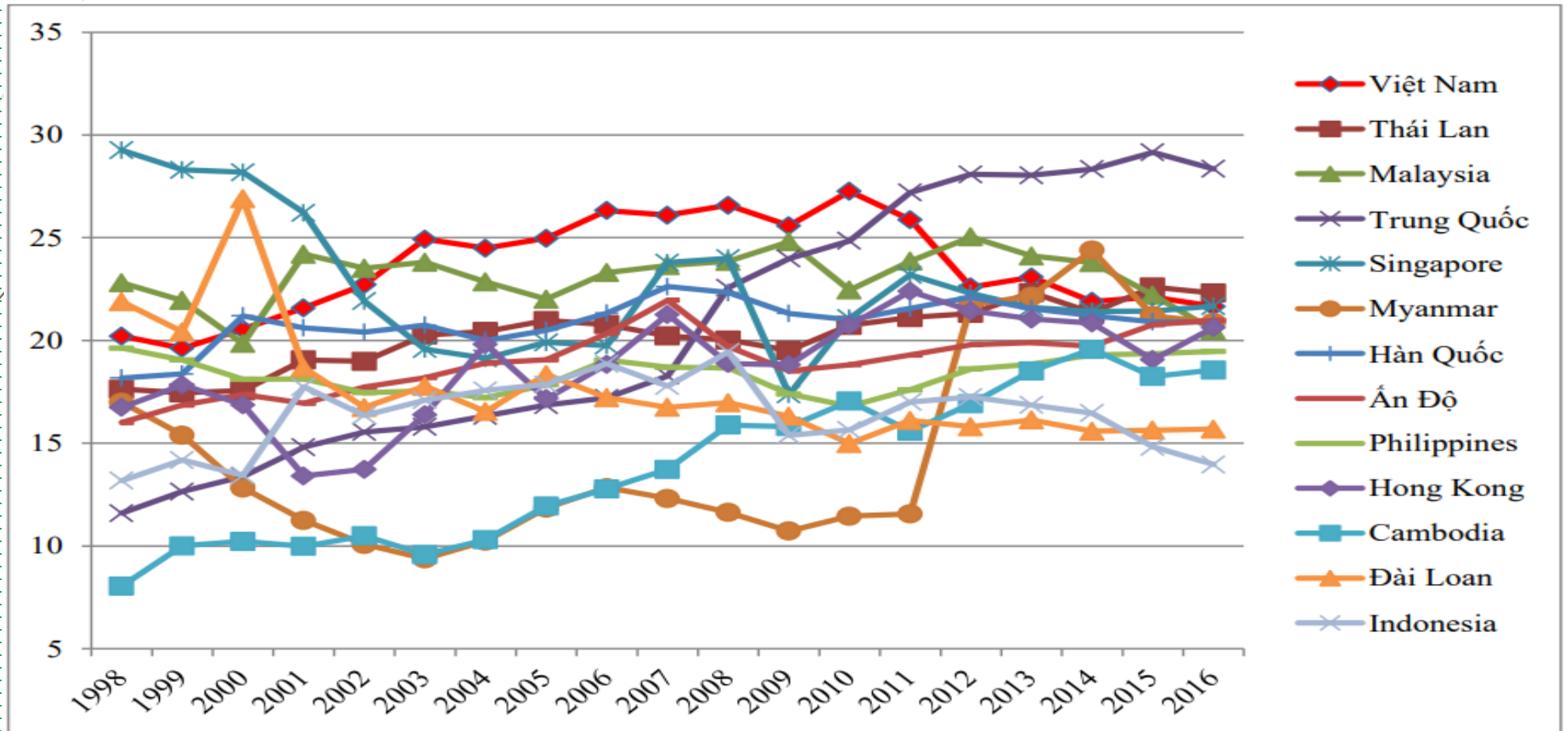
Cơ cấu nguồn thu thuế của Việt Nam 2000-2018



Tỷ trọng các khoản thuế của Việt Nam 2017

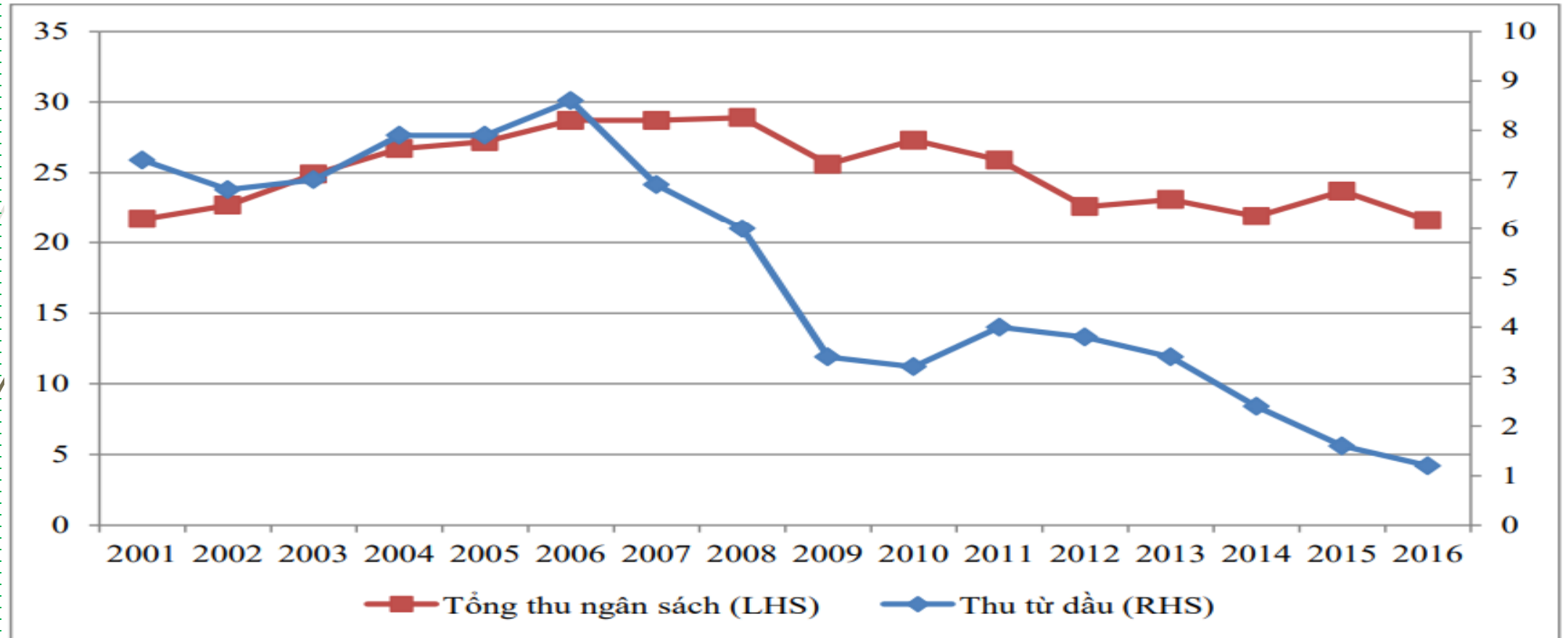


So sánh tỷ lệ thu ngân sách so với GDP của Việt Nam với các nước trên thế giới (% GDP)



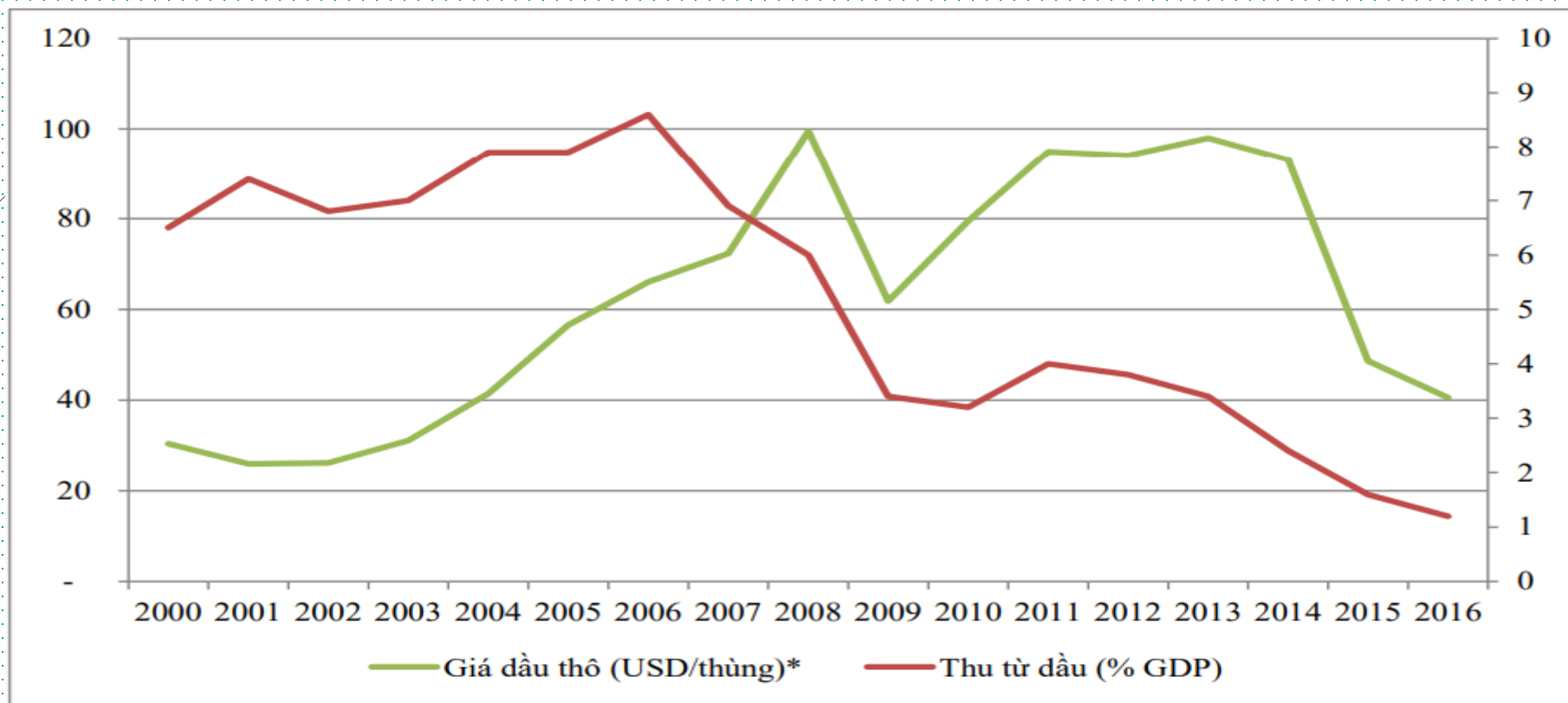
Nguồn: Tác giả tính từ cơ sở dữ liệu của IMF

Đóng góp ngân sách từ nguồn thu dầu thô (% GDP)



Nguồn: Tác giả tính từ số liệu trong Article IV Consultation – Staff Report các năm của IMF

Tương quan giữa giá dầu thô và thu ngân sách từ dầu thô của Việt Nam



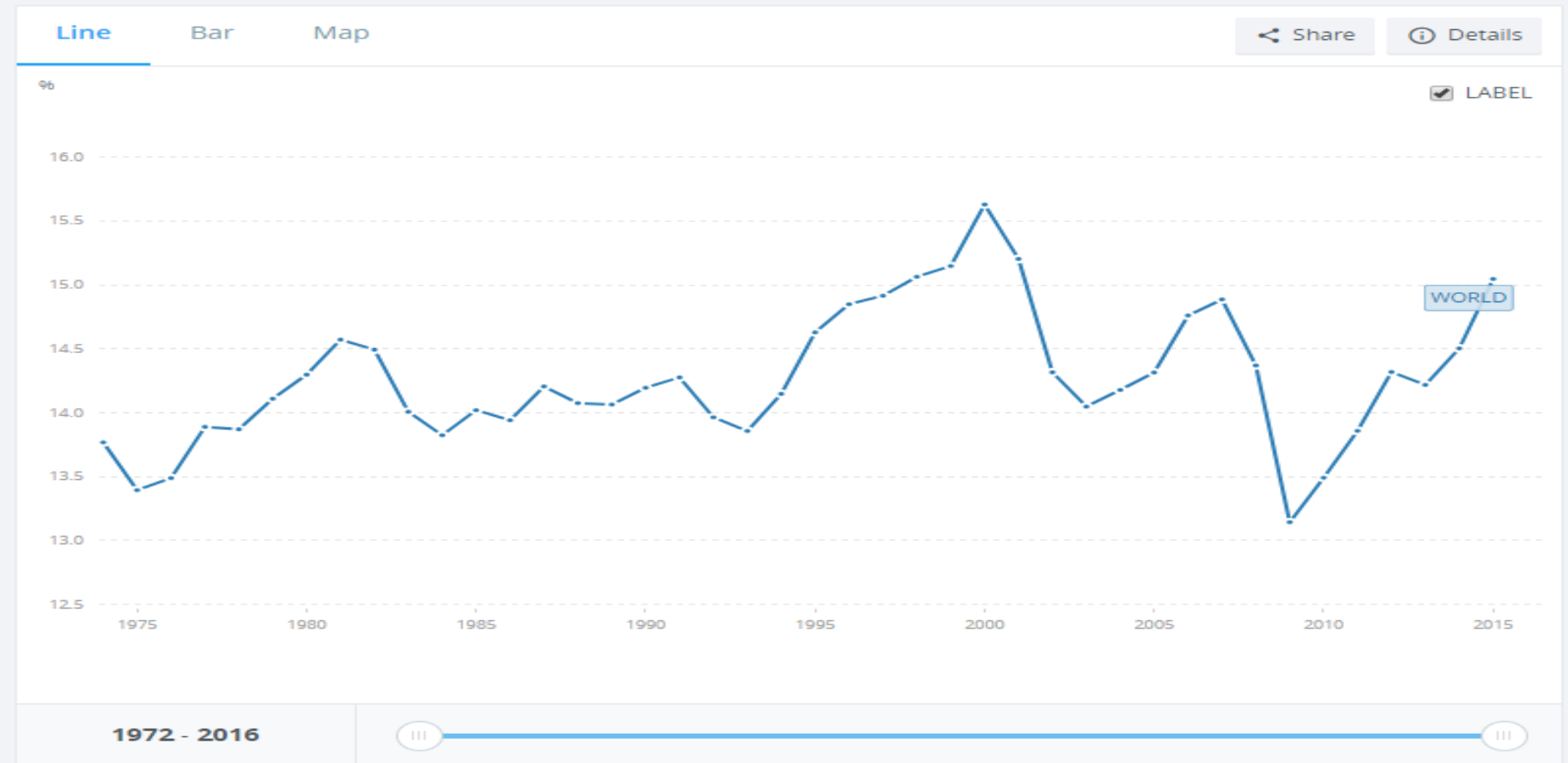
Nguồn: Giá dầu lấy từ Federal Reserve Bank of St. Louis. Thu ngân sách từ dầu thô tính theo số liệu của Bộ Tài chính. Ghi chú: Giá dầu được tính theo giá bình quân trong năm

Tỷ trọng thu thuế bình quân của thế giới

Tax revenue (% of GDP)

International Monetary Fund, Government Finance Statistics Yearbook and data files, and World Bank and OECD GDP estimates.

License : CC BY-4.0

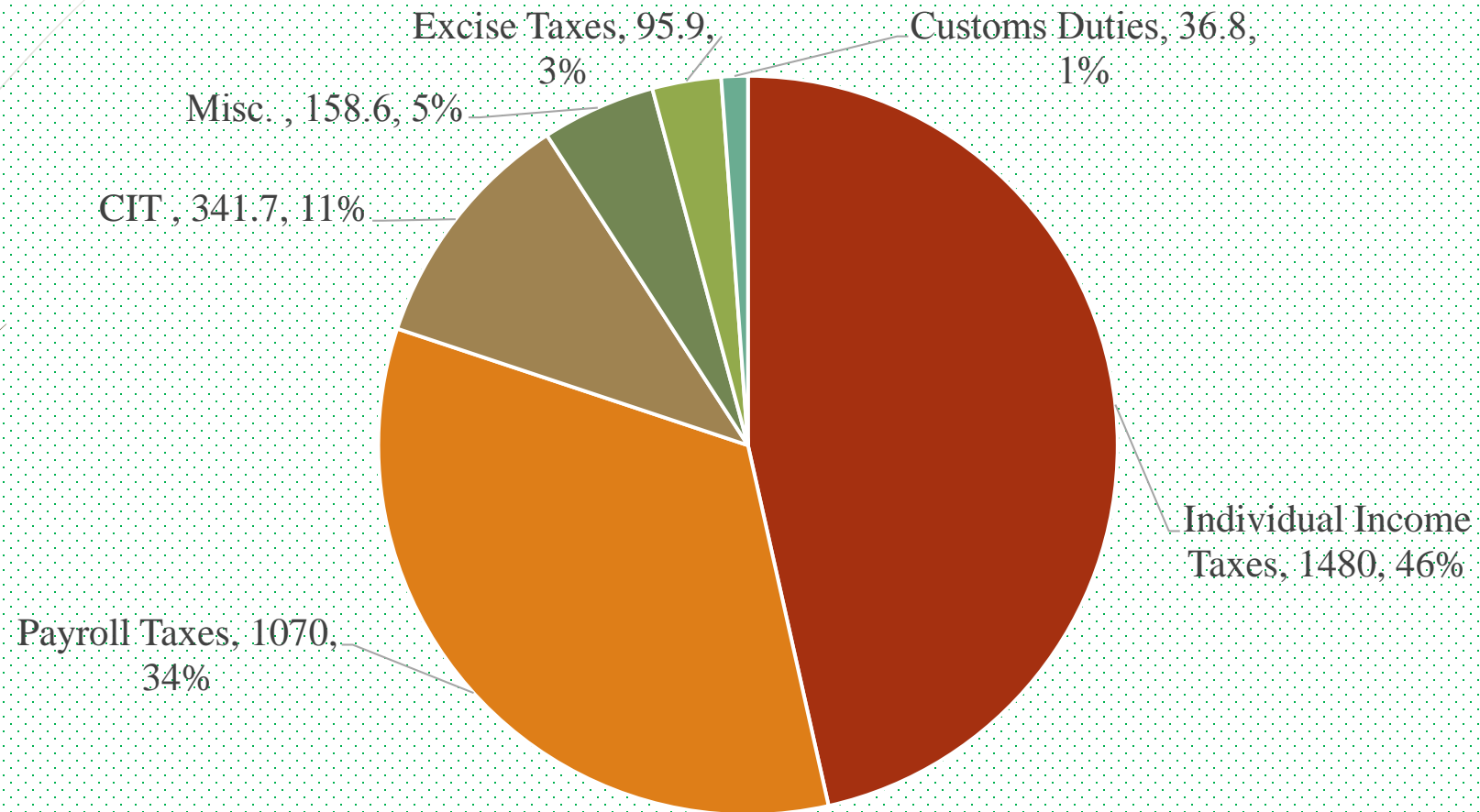


Tax revenue (% of GDP)

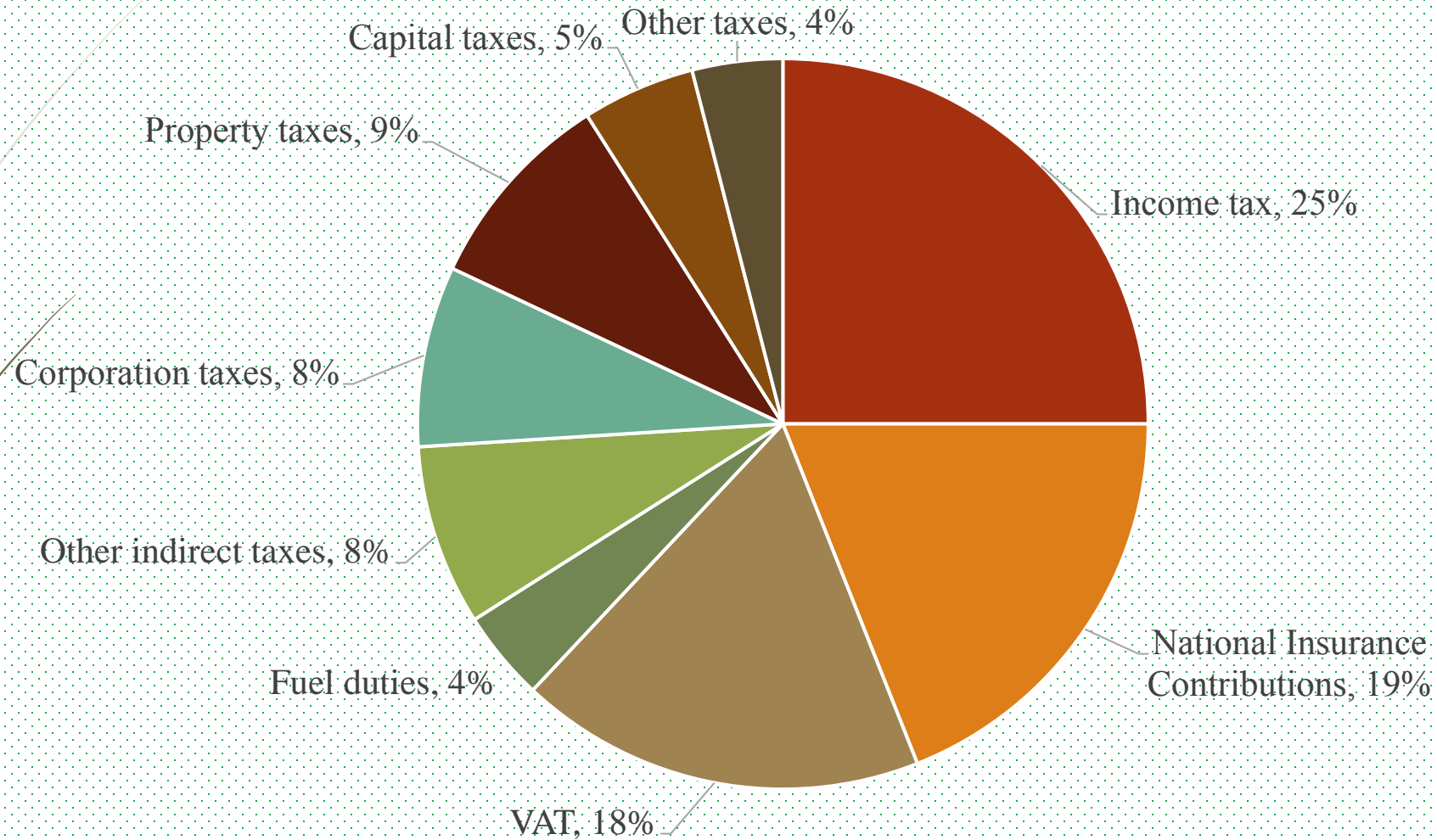
18

Country Name	1985	1990	1995	2000	2005	2010	2013	2014	2015	2016
China	na	na	na	na	8,6	10,2	9,9	9,7	na	na
Euro area	16,7	17,5	18,1	19,2	18,1	17,9	18,9	18,9	18,9	na
European Union	18,5	19,1	19,5	20,6	19,6	19,4	20,1	20,2	20,2	na
High income	14,4	14,6	15,0	16,3	15,0	13,9	15,0	15,3	15,3	na
Indonesia	17,6	18,0	14,1	na	na	10,5	11,3	10,8	10,7	10,3
Japan	11,4	12,9	11,0	10,4	10,1	8,8	10,4	11,5	11,4	na
Korea, Rep.	13,6	13,6	13,2	14,6	13,9	14,0	14,3	13,9	13,9	na
Latin America & Caribbean	11,5	11,0	na	12,5	na	12,6	12,7	12,6	13,1	na
Lao PDR	na	na	na	na	na	13,0	13,8	14,2	13,5	na
Lower middle income		13,1	12,6		11,6	11,6	11,6	na	na	na
Low & middle income	na	na	na	na	12,2	12,5	12,3	12,2	na	na
Malaysia	na	na	na	13,7	14,8	13,3	15,3	14,8	14,3	na
OECD members	14,3	14,5	14,8	16,1	15,1	13,9	15,1	15,4	15,5	na
Philippines		14,1	16,3	12,8	12,4	12,1	13,3	13,6	13,6	13,7
Singapore	15,7	14,5	15,8	14,9	11,6	13,0	13,5	13,9	13,6	14,3
Thailand	13,7	16,9	16,4	13,0	16,1	14,9	16,9	15,7	16,1	15,7
Upper middle income	na	na	na	na	12,4	12,8	12,4	12,1	na	na
United States	10,4	10,4	10,9	12,9	10,6	8,6	10,6	11,0	11,2	10,9
Vietnam	na	na	18,7	16,5	20,9	22,3	19,1	na	na	na
World	14,0	14,2	14,6	15,6	14,3	13,5	14,2	14,5	15,0	na

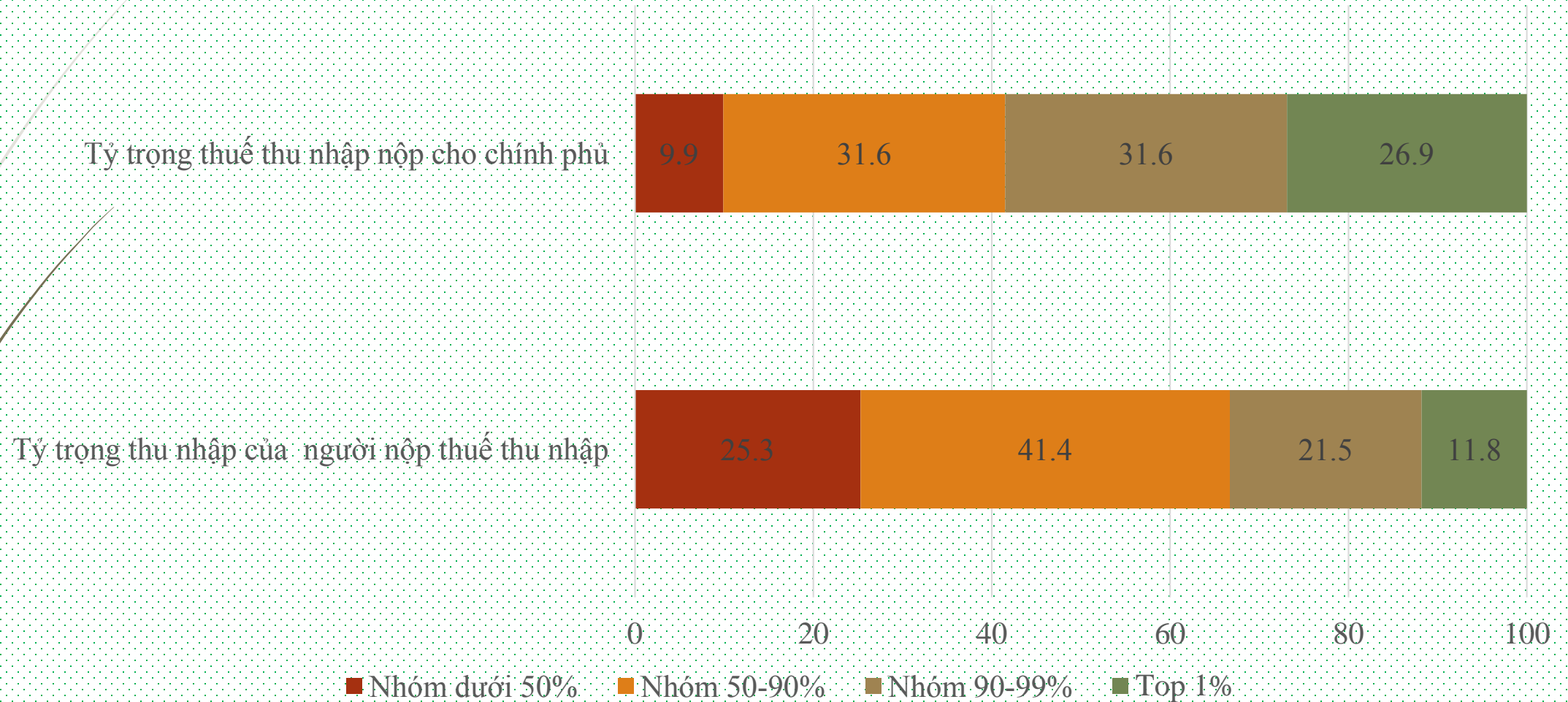
Cơ cấu thu thuế của Hoa Kỳ 2015 (tỉ USD)



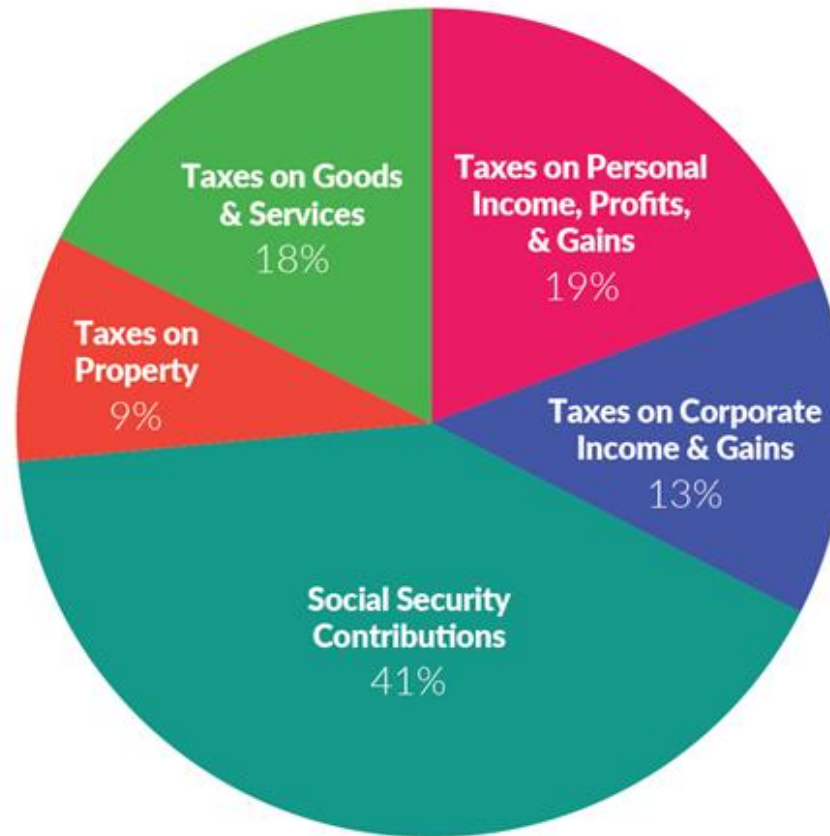
Cơ cấu thu thuế của Anh 2017-2018



Phân phối thu nhập và nộp thuế của các nhóm thu nhập ở Anh (FY2016-17)

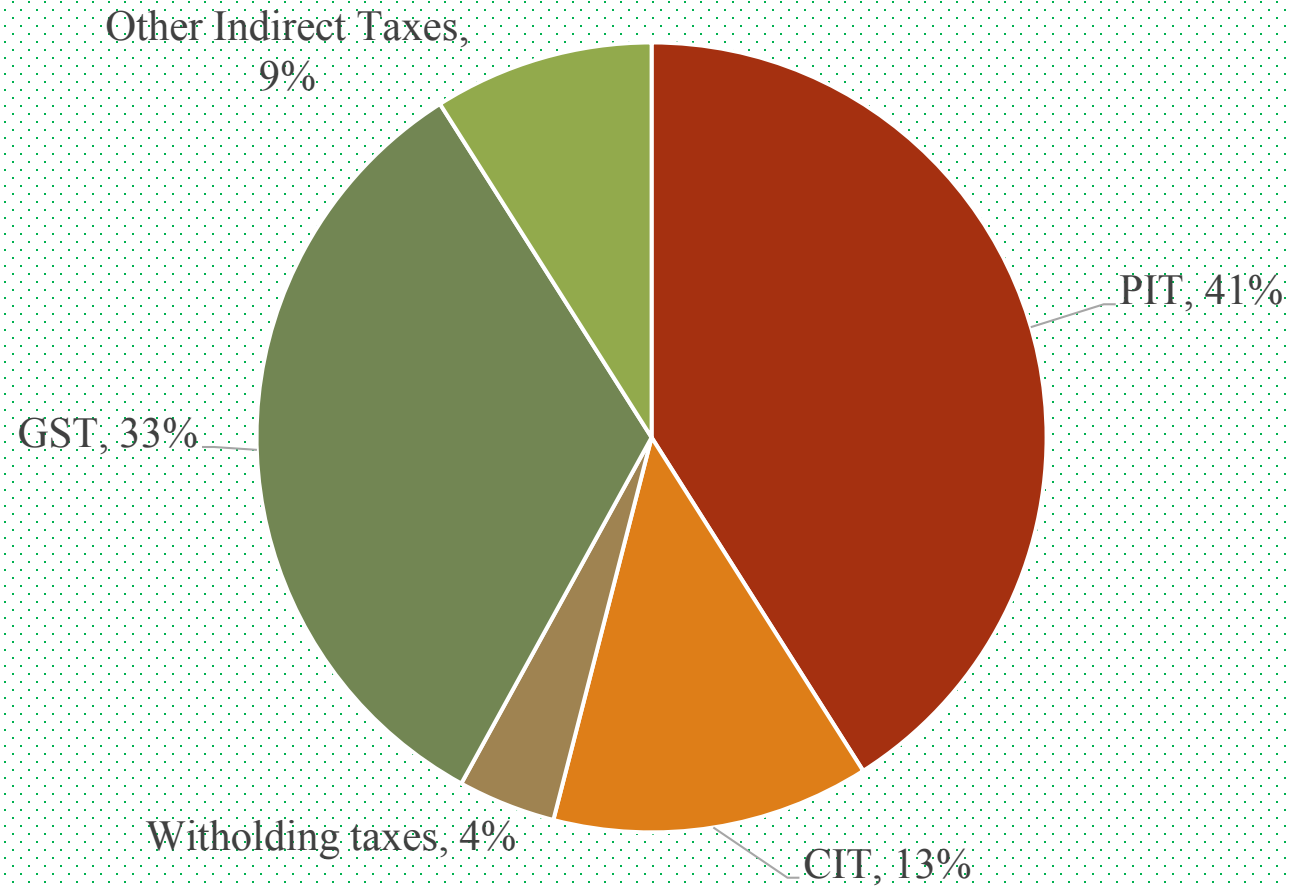


Cơ cấu thu thuế của Nhật Bản (FY2015)

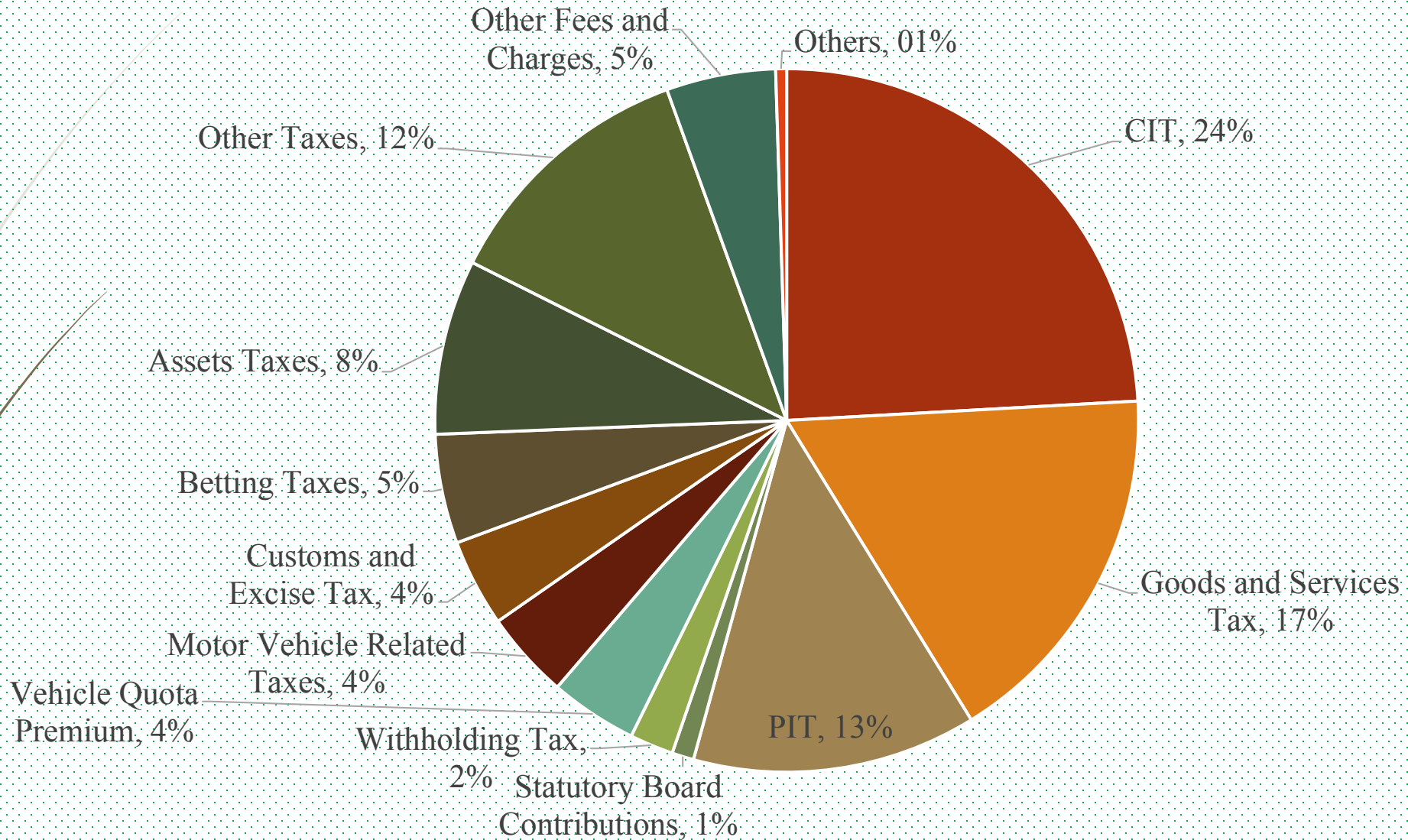


Source: OECD 2015 revenue statistics (<https://www.oecd.org/tax/revenue-statistics-japan.pdf>)
Note: 9% of the revenue in the "taxes on goods and services" category is from a VAT.

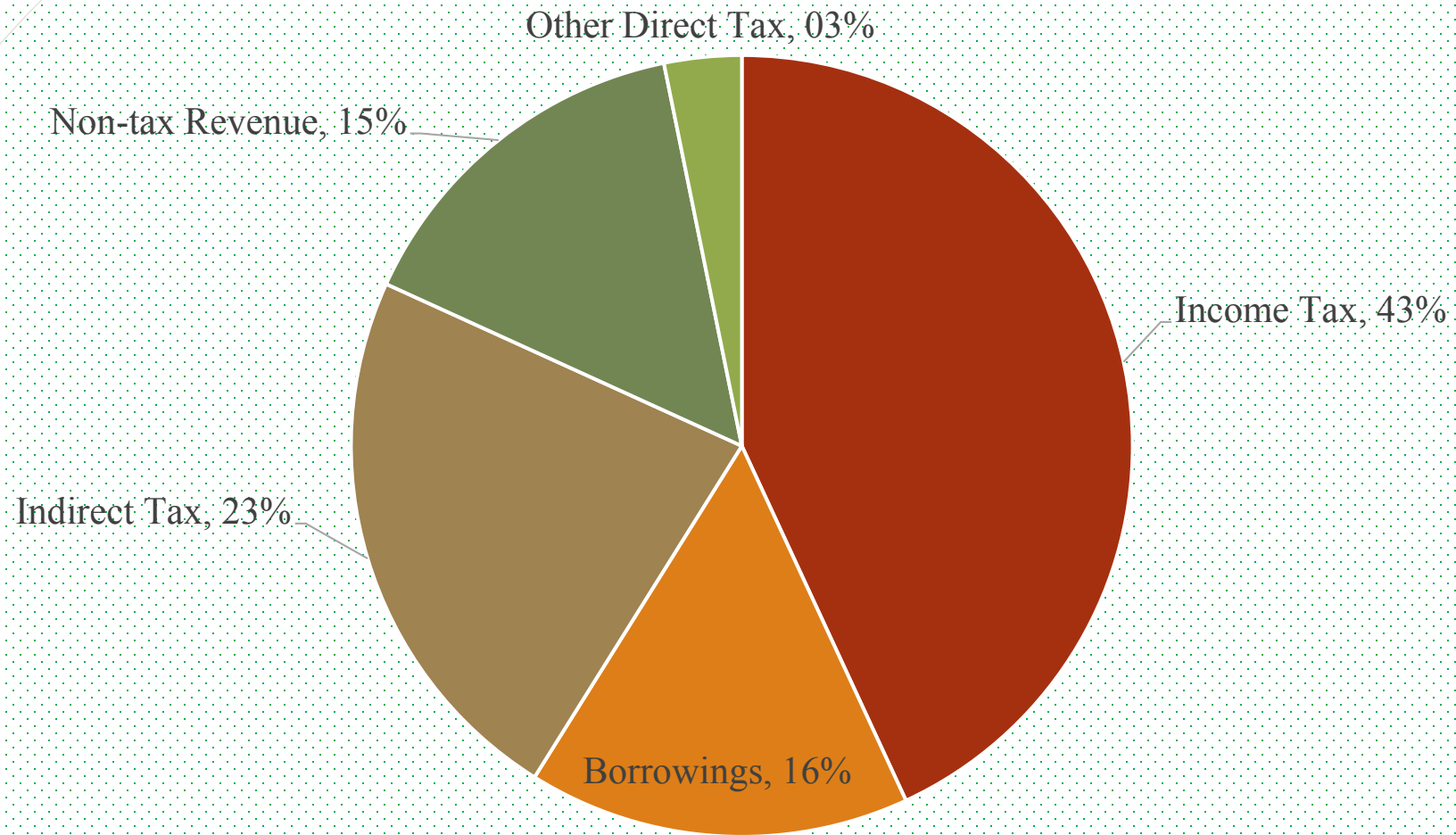
Cơ cấu thu thuế của New Zealand (FY2013-2014)



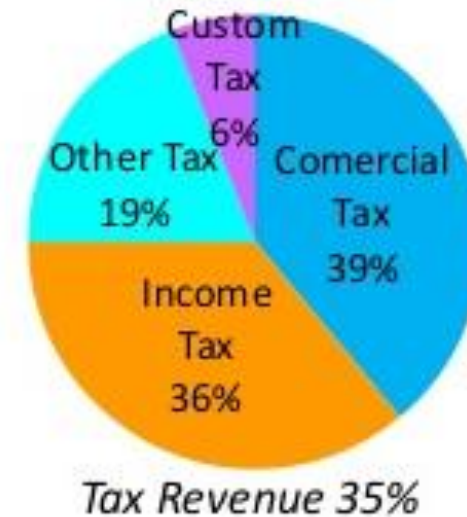
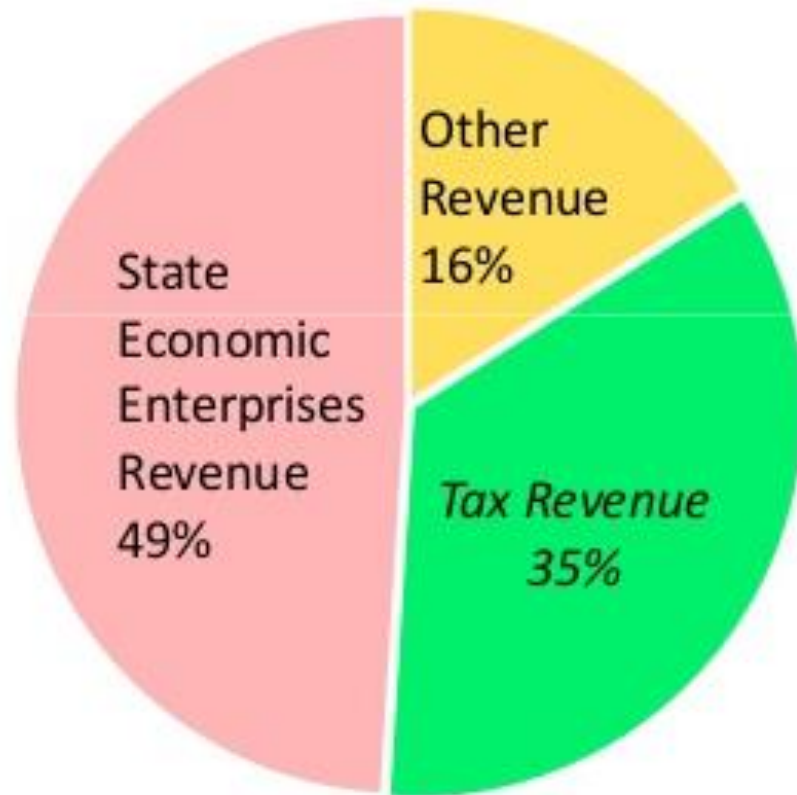
Cơ cấu thu ngân sách của Singapore (FY2013)



Cơ cấu thu ngân sách của Malaysia (FY2017)

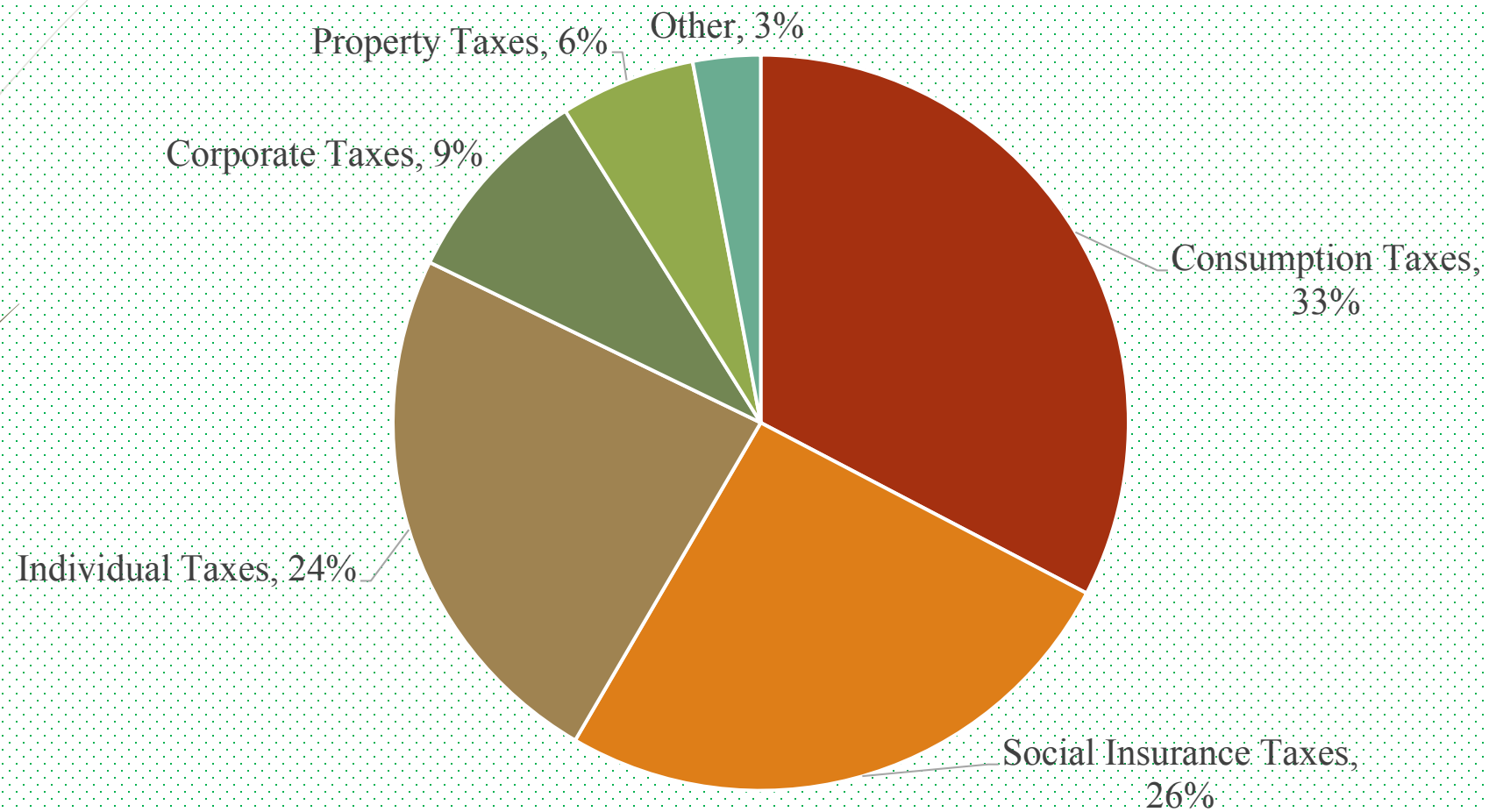


Cơ cấu thu ngân sách của Myanmar (FY2015-2016)



Nguồn: Budget Department, Ministry of Finance, Myanmar

Cơ cấu thu thuế của các nước OECD (FY2014)



Giới thiệu một số sắc thuế chính

➤ Thuế thu nhập

- Thu nhập doanh nghiệp
- Thu nhập cá nhân

➤ Thuế tiêu dùng

- Thuế GTGT
- Thuế xuất, nhập khẩu
- Thuế tiêu thụ đặc biệt

➤ Thuế tài sản

- Thuế bất động sản
- Thuế tài nguyên

Một số câu hỏi thảo luận

- ▶ Nguồn thu ngân sách của Việt Nam cao hay thấp?
- ▶ Tỷ trọng thu từ thuế của VN là cao hay thấp?
- ▶ Đây là các sắc thuế quan trọng của VN?
- ▶ Đây là các nguồn thu ngân sách quan trọng của VN?
- ▶ Đây là những điểm khác thường trong cơ cấu nguồn thu ngân sách VN?
- ▶ Nguồn thu ngân sách của VN có ổn định không?
- ▶ Nguồn thu ngân sách của VN có bền vững không?
- ▶ Nguồn thu ngân sách của VN có hiệu quả không?
- ▶ Nguồn thu ngân sách của VN có công bằng không?
- ▶ Cơ cấu thu ngân sách theo phân cấp giữa trung ương với địa phương hiện nay có hợp lý không?
- ▶ Định hướng cải cách nguồn thu của Việt Nam trong tương lai?